TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **483**/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 21 tháng 7 năm 202*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án thụ lý số: 365/2026/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2026, giữa:

- *Nguyên đơn:* Anh **Phạm Đức T**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường M, tỉnh Tuyên Quang (Nay là tổ dân phố E, phường M, tỉnh Tuyên Quang*)*.

- *Bị đơn:* Chị **Nguyễn Phương C**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Tổ dân phố A, phường M, tỉnh Tuyên Quang. (Nay là tổ dân phố E, phường M, tỉnh Tuyên Quang*)*.

Căn cứ vào các Điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 7 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Phạm Đức T và chị Nguyễn Phương C. *(Giấy chứng nhận kết hôn số 86/2013, quyển số 01/2012, ngày 22/11/2013 của Ủy ban nhân dân phường M, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, nay là phường M, tỉnh Tuyên Quang).*

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao con chung là cháu Phạm Trung H, sinh ngày 22/5/2014 cho anh Phạm Đức Trung trực T1 nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn

Phương C không phải cấp dưỡng nuôi con chung *(do anh T không yêu cầu)* và được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Các đương sự đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Phạm Đức T tự nguyện nộp 150.000 đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đ *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001250 ngày 08 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang, trả lại cho anh Phạm Đức T số tiền 150.000đ *(một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

Chị Nguyễn Phương C không phải nộp án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND Khu vực 1 - Tuyên Quang *(02 bản)*;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND phường Minh Xuân;
- Các đương sự *(để thi hành)*;
- Lưu TAND khu vực 1 – Tuyên Quang.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Ngọc Lan